| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 02 – 2023
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hứa Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

2. Bà Lâm Yến Nhi

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 737/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Thg, sinh năm: 1967 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trương Kim Th, sinh năm: 1973 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Lê Văn Thg ngày 09/11/2022, ông trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trương Kim Th chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Trong quá trình chung sống, ông và bà Th luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả, không thể hòa hợp được với nhau. Trên thực tế ông, bà không còn chung sống vợ, chồng từ năm 2018 đến nay.

Từ nội dung trên, ông nhận thấy tình cảm của ông và bà Th không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ, chồng được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được chấm dứt quan hệ vợ, chồng với bà Th.

- Về con chung: Ông xác định giữa ông và bà Th có 02 người con chung là Lê Trọng Ph, sinh năm 1995, Lê Trung B, sinh năm 1999. Hiện các con ông, bà đã thành niên nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác định không có.

- Về nợ chung: Ông khai nhận giữa ông và bà Th không có nợ chung và không ai nợ lại ông, bà.

* Trong đơn xin vắng mặt ngày 28/12/2022, bà Trương Kim Th trình bày:

Về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản, nợ đúng như ông Thg trình bày, giữa bà và ông Thg không còn duyên nợ nên đồng ý chấm dứt quan hệ vợ, chồng. Do đường xa bà không về tham gia phiên tòa được nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của ông Thg.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Về loại việc và thẩm quyền của Toà án: Tranh chấp giữa ông Lê Văn Thg và bà Trương Kim Th là "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt đương sự: Xét thấy ông Thg và bà Th có yêu cầu xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Thg và bà Th theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, ông Lê Văn Thg và bà Trương Kim Th có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1995 đến 2018. Theo ông Thg và bà Th trình bày, giữa ông, bà không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông Thg và bà Th đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay ông Thg và bà Th có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, ông, bà luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và thường xuyên cải vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, ông Thg và bà Th xác định tình cảm vợ, chồng giữa ông, bà không còn nên ông, bà đã tự ly thân 05 năm qua.

Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có

yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của ông, bà đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Ph, cháu B đã thành niên nên không đặt ra xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Ông Thg và bà Th xác định giữa ông, bà không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Thg và bà Th khai nhận giữa ông, bà không có nợ chung và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông Thg là nguyên đơn nên ông phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông Thg và bà Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn Thg và bà Trương Kim Th.

2 - Về con chung: Hiện đã thành niên nên không đặt ra xem xét việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

3 - Về tài sản chung: Không có.

4 - Về nợ chung: Không có.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông Lê Văn Thg phải chịu 300.000đ, ngày 23 tháng 11 năm 2022, ông Thg đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: 5756 được đối trừ chuyển thu.

6 - Về quyền kháng cáo: Ông Thg và bà Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hứa Minh Hải**